

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHKQTĐ ngày ... tháng ... năm 2019 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME): CỬ NHÂN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
(BACHELOR OF MANAGEMENT
INFORMATION SYSTEMS)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION): ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)

NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR): **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**
(MANAGEMENT INFORMATION
SYSTEMS)

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE): 7340405

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION): CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo những cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức phù hợp về khoa học xã hội; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, cập nhật về hệ thống thông tin, đặc biệt các hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý và quản trị kinh doanh; có khả năng nghiên cứu tự bổ sung kiến thức thích ứng với môi trường làm việc; có kỹ năng ứng xử và giao tiếp tốt.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:** đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:** Có thể làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội từ trung ương đến địa phương, tổ chức công ty thuộc mọi loại hình doanh nghiệp với các vị trí công việc liên quan đến hệ thống thông tin; có thể đảm đương tốt các vị trí chuyên gia tư vấn, cán bộ phát triển, khai thác, vận hành và bảo trì hệ thống thông tin quản lý và quản trị kinh doanh; có thể làm việc trong các

công ty tin học, trung tâm thông tin hay công ty môi giới thông tin với vị trí quản lý hay điều hành; giảng viên trong các trường đại học, cao đẳng, hay cán bộ nghiên cứu trong các viện, trung tâm nghiên cứu.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA (theo Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức:

- Cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có kiến thức về các hệ thống thông tin ứng dụng trong kinh doanh; các công nghệ ứng dụng trong hệ thống thông tin và các dịch vụ công nghệ liên quan;
- Nắm vững quy trình phân tích, thiết kế, phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động tác nghiệp, quản lý và điều hành trong các tổ chức; quy trình lập kế hoạch và quản trị các nguồn lực thông tin trong các tổ chức;
- Có kiến thức cập nhật về các công nghệ: phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong hệ thống thông tin.

2.2. Kỹ năng:

- Kỹ năng sử dụng các công nghệ, kỹ thuật định tính và định lượng, kỹ năng quản trị để phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý và điều hành trong các tổ chức;
- Kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong quản trị kinh doanh để phân tích thông tin và ra quyết định;
- Kỹ năng xử lý các vấn đề liên quan đến hạ tầng công nghệ sử dụng trong hệ thống thông tin quản lý;
- Kỹ năng xử lý tốt các tình huống, các vấn đề phát sinh liên quan đến chuyên môn được đào tạo.
- Kỹ năng tư duy trừu tượng;
- Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng khác nhau trong quá trình phát triển hệ thống thông tin quản lý (khách hàng, cán bộ nghiệp vụ và đồng nghiệp);
- Kỹ năng tiếp cận giải quyết các vấn đề trong kinh doanh một cách có hệ thống;
- Kỹ năng trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế xã hội, đặc biệt là các chủ đề về hệ thống thông tin quản lý;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý có đạo đức, trung thực, bản lĩnh và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng

ạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về hệ thống thông tin; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	43	
1.1. Các học phần chung	19	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần của ngành	12	Khoa tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	12	
2.1.1. Các học phần của Trường	6	Khoa tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định
2.1.2. Các học phần của ngành	6	Khoa tự xây dựng

2.2. Kiến thức ngành	47	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	32	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Chuyên đề thực tập	10	
TỔNG SỐ	130	Không kể GDQP-AN và GDTC

7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

T	T	NỘI DUNG CTĐT	MÃ HP/BM	SỐ TC	BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
		TỔNG SỐ		130	17	18	18	18	15	17	17	10
		1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		43								
		1.1. Các học phần bắt buộc chung		19	5	6	3			2	3	
1	1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 Principles of Maxism-Leninism 1	LLNL1103	2	2							
2	2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 Principles of Maxism-Leninism 2	LLNL1104	3		3						
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2					2			
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Political revolution roadmap of the Communist Party of Vietnam	LLDL1101	3							3	
5	5	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	3	3	3					
		1.2. Các học phần bắt buộc của Trường		9	3	3		3				
6	1	Pháp luật đại cương		3	3							
7	2	Kinh tế vi mô 1/Microeconomics 1	KHMI1101	3		3						
8	3	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3				3				
		1.3. Các học phần bắt buộc của ngành		15	6	3	3	3				
9	1	Kinh tế Việt Nam Vietnam's Economy	KHEH1101	3	3							
10	2	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3		3						

11	3	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT1102	3			3					
12	4	Tin học đại cương/ Basic Informatics	TIKT1109	3	3							*
13	5	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3				3				
		Giáo dục thể chất/ Physical Education	GDTC	4	1	1	1	1				
		Giáo dục QP-AN/ Military Education	GDQP	8		8						
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				87	3	6	12	12	17	15	12	10
2.1.Kiến thức cơ sở ngành				15			9	6				
2.1.1. Các học phần của Trường				6								
14	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	NHLT1101	3				3				
15	2	Lý thuyết thống kê		3			3					
2.1.2. Các học phần của ngành				9								
16	1	Kỹ thuật lập trình Programing Technology	TIHT	3			3					
17	2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Data Structures and Algorithms	TIHT1101	3			3					
18	3	Lý thuyết đồ thị/Graphs Theory	TIKT	3				3				
2.2.Kiến thức ngành				44								
2.2.1. Các học phần bắt buộc				29		3		6	9	6	5	
19	1	Phát triển các hệ thống thông tin quản lý/Management Information Systems Development	TIKT1113	3					3			
20	2	Ứng dụng cơ sở dữ liệu Application of Databases	TIKT1124	3				3				
21	3	Quản trị các nguồn lực thông tin Information Resources Managements	TIKT1116	3					3			
22	4	Quản trị dự án hệ thống thông tin Information Systems Project Management	TIKT1108	3						3		
23	5	Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định/Decision Support Systems	TIHT1110	3						3		
24	6	Tri thức kinh doanh Business Inteligence	TIKT1122	3							3	
25	7	Phát triển các ứng dụng trong quản lý Development of Management Application	TIHT1113	3					3			
26	8	Cơ sở dữ liệu/Databases	TIKT1125	3		3						

27	10	Trực quan hóa dữ liệu Data Visualization	TIKT	3				3				
28	11	Đề án Hệ thống thông tin quản lý		2							2	
29 - 33	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần)			15		3	3	3	6			
	1	Tin học kế toán/Accounting Information	TIKT1117	3								
	2	Tin học ngân hàng/Banking Informatic	TIKT1119	3								
	3	Tin học tài chính/Financial Informatic	TIKT1121	3								
	4	Kế toán máy/ Computer-Based Accounting	TIHT1103	3								
	5	Mạng và truyền thông Networks and Data Communication	TIKT1106	3								
	6	Quản trị tác nghiệp 1 Operations Management 1	QTKD1108	3								
	7	Quản trị tài chính Financial Management	NHTC1102	3								
	8	Trí tuệ nhân tạo/Artificial Intelligence	CNTT1140	3								
	9	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành Computer Architecture and Operating System	CNTT1142	3								
	10	Phân tích dữ liệu/ Data analysis	TKKT1124	3								
	11	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3								
	12	Quản trị doanh nghiệp Enterprise Management	QTKD1116	3								
34 - 39	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 06 học phần)			18						9	9	
	1	Quản trị tri thức Knowledge Management	TIHT	3								
	2	Quản trị rủi ro hệ thống thông tin Information System Risk Management T Cường	TIKT	3								
	3	Thu thập dữ liệu và tiền xử lý Data Collection and Preprocessing V.Minh	TIKT	3								
	4	Thiết kế mẫu/Software Design Partern P.Hải	TIKT	3								
	5	Mạng xã hội và quản lý tổ chức Social Networks and Management Orgnization Yên	TIKT	3								
	6	Hệ thống thông tin Logistic Logistics Information System	TIHT	3								

7	Phát triển các ứng dụng Web Web Applications Development	TIKT1114	3										
8	Phát triển phần mềm mã nguồn mở và ứng dụng/Development of Open Source Software and Applications	TIKT1115	3										
9	Lập trình mạng/Network Programing	TIKT1111	3										
10	Kiểm soát và kiểm toán HTTT Information System Auditing and Control	TIHT	3										
11	Ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất Unified Modeling Language	TIKT1112	3										
12	Thiết kế hạ tầng định hướng kinh doanh Business based Infrastructure Design	TIHT	3										
13	Hệ thống hậu cần: Thiết kế và tối ưu hóa Logistics Systems: Design and Optimization	TIHT	3										
14	Phát hiện tri thức từ dữ liệu Knowledge discovery in Data	CNTT	3										
15	Lập trình khoa học dữ liệu Data science programing	CNTT	3										
2.4. Chuyên đề thực tập (Intership Programme)			10										10
CHUẨN ĐẦU RA ngoại ngữ, tin học và GDQP - AN, GDTC													
Ghi chú: ...													

8. Hướng dẫn thực hiện

- CTĐT được thực hiện trong 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ. Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký. Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

VIỆN TRƯỞNG CNTT&KTS

HIỆU TRƯỞNG

TS Nguyễn Trung Tuấn

GS.TS. Trần Thọ Đạt